

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 23/2017/HSST
Ngày: 31/7/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Mai Hường.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Châu Khắc Thái.

2. Bà Hoàng Thị Tư Hậu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Nhân Đức, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Trần Xuân Phú, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế), Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2017/HSST ngày 27/6/2017, đối với:

Bị cáo PHAN THỊ THỦY T; giới tính: Nữ; sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường H, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: Đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phan Q, sinh năm 1949, con bà Đinh Thị Thu H, sinh năm 1953; gia đình có 03 chị em ruột, bị cáo là con út trong gia đình; có chồng là ông Cao Văn M, sinh năm 1978, nghề nghiệp: Bác sĩ; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, thứ hai sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ ở với cha mẹ, học hết lớp 12/12, sau đó ở nhà. Đến năm 2007 lấy chồng, năm 2010 về sống với ba mẹ đẻ; không nghề nghiệp cho đến ngày gây án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 07/10/2016. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Bà Dương Trần Thủy T, sinh năm 1982, nghề nghiệp: Kế toán; trú tại: Đường H, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bà Trần Thị Hồng M, sinh năm 1965; trú tại: Xóm P, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
3. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1992; trú tại: Thôn T, thị trấn Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1958; trú tại: Thôn V, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
5. Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1969; nghề nghiệp: Giáo viên; trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
6. Bà Văn Thị M, sinh năm 1960; trú tại: Đường M, Tổ B, Khu vực A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
7. Ông Đào Việt N, sinh năm 1985; trú tại: Tổ B, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
8. Ông Đoàn T, sinh năm 1963; nghề nghiệp: Thợ xây dựng; trú tại: 8/10 đường T, phường B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt
9. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; nghề nghiệp: Buôn bán; trú tại: Tổ B, Khu vực H, phường H, thành phố H, có mặt.
10. Bà Trần Thị P (sinh năm 1986) và ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1984), Cùng trú tại: Đường M, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều có mặt.
11. Bà Lê Thị B, sinh năm 1964, trú tại: Thôn Q, xã S, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
12. Bà Huỳnh Thị Ánh L, sinh năm 1989, nghề nghiệp: Ở nhà; trú tại: Tổ A, thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
13. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1963; nghề nghiệp: Kế toán; trú tại: Cụm M, Khu vực B, thị trấn K, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
14. Bà Hoàng Cao Mi N, sinh năm 1991; nghề nghiệp: Kinh doanh nhà trọ; trú tại: Đường M, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
15. Ông Trần Văn T, sinh ngày năm 1958; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
16. Ông Ngô Phi H, sinh năm 1955; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trú tại: đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
17. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trú tại: Đường X, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
18. Ông Đặng A, sinh năm 1966; trú tại: Thôn M, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
19. Ông Lê Phương N, sinh năm 1982; nghề nghiệp: Giáo viên; trú tại: Thôn D, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
20. Ông L

ê Chiêu H, sinh năm 1957; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn A, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

21. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; nghề nghiệp: Buôn bán; trú tại: khu tập thể X, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

22. Ông Phan Thanh T, sinh năm 1960; nghề nghiệp: Kinh doanh; trú tại: Tổ 10, Khu vực 4, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

23. Ông Hồ Nam Đ, sinh năm 1960; trú tại: Đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Thanh P1, sinh năm 1978; trú tại: Đường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1987; trú tại: Đường T, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Ông Phan Q, sinh năm 1949; trú tại: Đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Cao Văn M, sinh năm 1978; trú tại: Đường H, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

5. Ông Lê Thanh P2, sinh năm 1989; trú tại: Đường H, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt

6. Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1980; trú tại: Tổ C, Khu vực N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T:* Ông Quý H, Luật sư của Văn phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Phan Thị Thùy T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố tại cáo trạng số 15/QĐ/KSĐT ngày 26/6/2017 về hành vi phạm tội như sau:

Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước, nên trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 10 năm 2016, Phan Thị Thùy T đã lợi dụng vào các mối quan hệ quen biết, dùng thủ đoạn gian dối, giả vờ nói với mọi người rằng mình có mối quan hệ với nhiều người có khả năng và điều kiện (ý nói người có chức vụ, quyền hạn) có thể nhận người vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị như bệnh viện, trường học, kho bạc...trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Nếu ai có nhu cầu xin việc làm cho mình hoặc người nhà thì đưa hồ sơ và tiền để T đi quan hệ xin việc. Với thủ đoạn này T đã chiếm đoạt của nhiều người với số tiền là 2.520.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng tháng 02 năm 2014, Phan Thị Thùy T quen biết với bà Dương Trần Thủy T (trú tại: Đường H, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên

Huế. T tự giới thiệu có chồng làm ở bệnh viện H, có mối quan hệ với cấp trên, bản thân đã “chạy” cho nhiều người vào làm ở Bệnh viện H, nếu bà T muốn làm kế toán tại Bệnh viện H thì phải đưa 70.000.000 đồng. Tin tưởng T nói thật bà T đồng ý. Từ ngày 15/02/2014 đến ngày 28/02/2014, bà T đưa cho T 04 lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng và một bộ hồ sơ xin việc tại nhà mẹ đẻ của mình (đường T, phường H, thành phố H). Chờ thời gian không thấy được ký hợp đồng đi làm, bà T điện thoại hỏi thì T trả lời cần thêm 20.000.000 đồng để đóng cổ phần máy chụp CT tại Bệnh viện H, hàng tháng đều được chia tiền lãi cổ phần. Ngoài ra, nếu xin ở Bệnh viện H không được thì qua Bệnh viện Q làm. Bà T nghe vậy càng tin tưởng T nói thật nên ngày 14/3/2014 bà T đưa thêm cho T 20.000.000 đồng cũng tại nhà mẹ mình. T viết giấy nhận đủ số tiền 70.000.000 đồng. Bà T chờ đợi mãi thấy không có kết quả liền yêu cầu T trả lại tiền, T chỉ trả 30.000.000 đồng; bộ hồ sơ xin việc T vứt bỏ, cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 30/5/2016 bà T làm đơn tố cáo gửi cơ quan công an (kèm theo tờ giấy nhận tiền), yêu cầu điều tra xử lý T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và buộc phải bồi thường đủ số tiền 40.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2016, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định 4 tờ giấy T viết nhận tiền của bà T. Ngày 18/01/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ viết và chữ ký là của T.

Như vậy, T chiếm đoạt của bà Dương Trần Thủy T 70.000.000 đồng sử dụng tiêu xài cá nhân, đã khắc phục hậu quả 30.000.000 đồng, còn chưa bồi thường 40.000.000 đồng.

Vụ 2: Qua giới thiệu của bà Trần Thị T (sinh năm 1958, trú tại: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình) là người quen, Phan Thị Thủy T biết bà Trần Thị Hồng M (sinh năm 1965, trú tại: Xóm M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình) muốn xin việc cho con gái là cháu Võ Ngọc M vào dạy học tại trường phổ thông trung học Cao Thắng, Huế nên khi gặp bà M liền đặt vấn đề là mình quen biết nhiều người có khả năng xin được với số tiền là 100.000.000 đồng, tin tưởng T nói thật bà M đồng ý. Từ ngày 31/3/2014 đến cuối tháng 05/2014, bà M đưa trực tiếp và gửi qua ngân hàng vào tài khoản cho T 06 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng kèm theo một bộ hồ sơ xin việc. T sử dụng tiền tiêu xài cá nhân mà không hề xin việc cho cháu M. Bà M chờ đợi mãi không thấy kết quả liền tìm T đòi lại tiền. Ngày 30/6/2014 T phải viết một giấy mượn số tiền 100.000.000 đồng của bà M để làm bằng chứng và hẹn đến ngày 10/7/2014 sẽ trả lại đủ số tiền này, nhưng T chỉ trả lại 45.000.000 đồng, bộ hồ sơ vứt bỏ không thu hồi được.

Ngày 22/7/2016, bà Trần Thị Hồng M làm đơn tố cáo T gửi đến công an tỉnh Thừa Thiên Huế (kèm theo các tờ giấy nhận tiền), yêu cầu phải bồi thường số tiền 55.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2016, Cơ quan điều tra trưng cầu giám định các tờ giấy T viết mượn tiền của bà M 100.000.000 đồng. Ngày 23/01/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết trên tờ giấy là

của T. Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ đầy đủ các giấy chuyển tiền qua ngân hàng vào tài khoản cho T lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Trần Thị Hồng M 100.000.000 đồng, đã khắc phục hậu quả 45.000.000 đồng, còn chưa bồi thường 55.000.000 đồng.

Vụ 3: Trong tháng 03/2014, qua giới thiệu của bà Trần Thị T (sinh năm 1958, trú tại: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình), bà Ngô Thị T (sinh năm 1992, trú tại: Thôn T, thị trấn Đ, tỉnh Quảng Bình) quen biết Phan Thị Thùy T, nghe T nói có quan hệ với nhiều người có thể xin được việc làm tại Bệnh viện H liền nhờ T xin hộ. Mặc dù không có khả năng xin việc nhưng T vẫn hứa sẽ xin cho bà T vào làm tại Khoa điều dưỡng với giá 100.000.000 đồng. Tin tưởng T nói thật, bà T đồng ý. Trong tháng 03/2014 bà T đưa cho T 20.000.000 đồng (đưa qua bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1969, trú tại thôn H, huyện H, tỉnh Quảng Bình). Đầu tháng 05/2014 bà T nhờ bà Trần Thị T chuyển qua tài khoản cho T thêm 10.000.000 đồng kèm theo một bộ hồ sơ xin việc. T viết giấy có mượn của bà T 20.000.000 đồng để làm tin. Sau đó, T sử dụng toàn bộ 30.000.000 tiêu xài cá nhân hết, bộ hồ sơ vứt bỏ không thu hồi được.

Bà T chờ một thời gian không thấy T xin việc cho mình, qua tìm hiểu biết T lừa đảo nên viết đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế (kèm theo tờ giấy T viết mượn tiền), yêu cầu T phải bồi thường 30.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2016, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tờ giấy mượn tiền. Ngày 23/01/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận chữ viết và chữ ký là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Ngô Thị T 30.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 4: Bà Trần Thị T (sinh năm 1958, trú tại: Thôn V, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình) quen biết Phan Thị Thùy T qua sự giới thiệu của anh Lê Đại N công tác tại Khoa nhi bệnh viện H. Nghe T giới thiệu mình quen biết nhiều người có thể xin được việc làm nên bà T liền nhờ T xin cho con trai mình là anh H. T hứa sẽ xin cho anh vào làm việc tại chi nhánh kho bạc nhà nước thành phố H với giá 65.000.000 đồng. Tin tưởng T nói thật, bà T đồng ý. Từ ngày 23/4/2014 đến tháng 5/2014, bà T đã chuyển cho T 03 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng qua ngân hàng, kèm theo một bộ hồ sơ xin việc. T chiếm đoạt sử dụng tiêu xài cá nhân hết mà không hề xin việc cho con bà T, khi bà T gọi điện thì không nghe máy, còn bộ hồ sơ T vứt bỏ không thu giữ được.

Qua tìm hiểu biết mình bị lừa đảo, ngày 22/7/2016 bà T viết đơn tố cáo T gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế (kèm theo tờ giấy mượn tiền), yêu cầu T phải bồi thường 35.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 3 phiếu chuyển tiền cho T và một tờ giấy mượn số tiền 65.000.000 đồng (trong đó của bà T 35.000.000, của bà Ngô Thị T 30.000.000 đồng). Ngày 14/11/2016, Cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ viết

và chữ ký trên tờ giấy này. Ngày 23/01/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Trần Thị T số tiền là 35.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 5: Khoảng tháng 3/2017, Phan Thị Thùy T quen biết bà Nguyễn Thị Thúy A (sinh năm 1969, trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình), biết bà A có nhu cầu xin việc cho con gái Lê Diệu L, T liền bịa ra chuyện mình quen biết với nhiều người có khả năng xin cho cháu L làm nhân viên điều dưỡng tại bệnh viện H với giá 120.000.000 đồng, nếu bà A đồng ý thì đưa trước một nửa 60.000.000 đồng, khi nào có quyết định sẽ giao nhận đủ. Tin tưởng T nói thật, bà A đồng ý. Từ ngày 04/5/2014 đến cuối tháng 5/2014, bà A đưa cho T 03 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng (02 lần chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng, 01 lần đưa trực tiếp 40.000.000 đồng) kèm theo một bộ hồ sơ xin việc. T viết giấy biên nhận và hứa hẹn một tuần sau cháu L sẽ có quyết định đi làm nhưng sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân hết, còn bộ hồ sơ xin việc T vứt bỏ không thu giữ được.

Bà A chờ mãi không thấy con mình được ký kết hợp đồng đi làm, gọi điện, tìm kiếm thì T lẩn tránh nhiều lần không nghe máy. Bà A vào tận nhà tìm gặp thì T viết một tờ giấy mượn tiền của bà A 60.000.000 đồng và hứa đến ngày 20/03/2016 sẽ trả lại tiền, song không trả. Biết mình bị lừa đảo ngày 22/7/2016 bà A làm đơn tố cáo T gửi đến công an tỉnh Thừa Thiên Huế yêu cầu xử lý hình sự (kèm theo tờ giấy mượn tiền), buộc T phải bồi thường đủ 60.000.000 đồng.

Cơ quan công an đã thu giữ 02 tờ giấy chuyển tiền của bà A và tờ giấy T viết khi nhận tiền. Ngày 14/11/2016 cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký. Ngày 23/01/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ viết và ký trên tờ giấy biên nhận là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thúy A 60.000.000 đồng, hiện nay T chưa bồi thường.

Vụ 6: Phan Thị Thùy T quen bà Văn Thị M (sinh năm 1966, trú tại: Đường M, Tổ B, Khu vực A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) thông qua bà Nguyễn Thị N (là em dâu mình) nhà ở đường C, thành phố H. T biết bà M có con trai là Bùi Văn Đ đang nộp hồ sơ thi công chức vào khoa dược của bệnh viện H nên khi gặp bà M, T hứa sẽ lo cho cháu Đ đậu công chức đợt này với giá 70.000.000 đồng, tin tưởng T nói thật, bà M đồng ý. Từ tháng 5/2014 đến tháng 7/2014 bà M đã đưa cho T 05 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, ngày 24/9/2014 T nói dối bà M thưởng thêm cho 5.000.000 đồng vì cháu Đ đã có quyết định trúng tuyển, bà M liền đưa thêm cho T 5.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà M đã đưa cho T 06 lần với số tiền 75.000.000 đồng, có 03 lần T viết giấy biên nhận và 03 lần không viết giấy. T sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân mà không hề xin cho con bà M thi đậu công chức như đã hứa.

Bà M chờ đợi mãi không thấy con trai mình được đi làm, qua tìm hiểu biết cháu Đ không có tên trong danh sách trúng tuyển công chức, liền tìm T đòi lại tiền.

T đã trả cho bà M nhiều lần số tiền 26.000.000 đồng (không viết giấy tờ gì) , còn lại 49.000.000 đồng không trả. Ngày 23/11/2015 T có viết một giấy hẹn đến ngày 30/11/2015 sẽ trả đủ, nhưng không bầu trả. Biết bị T lừa đảo, ngày 18/7/2016 bà M làm đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế yêu cầu xử lý hình sự và buộc phải bồi thường số tiền 49.000.000 đồng (kèm theo các tờ giấy T viết nhận tiền và hẹn trả tiền).

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 tờ giấy biên nhận, 01 tờ giấy hẹn trả tiền T viết khi nhận tiền và hứa hẹn trả lại tiền cho bà M. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ ký và chữ viết. Ngày 23/01/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Văn Thị M 75.000.000 đồng, đã khắc phục hậu quả 26.000.000 đồng, chưa bồi thường 49.000.000 đồng.

Vụ 7: Khoảng tháng 7/2014, Phan Thị Thùy T biết anh Đào Viết N (sinh năm 1985, trú tại: Tổ B, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế), muốn đi dạy học ở một trường cấp 2 trên địa bàn thành phố H qua anh Lê Thanh P1 (sinh năm 1978, chỗ ở hiện nay: Đường P, thành phố H) là người quen của T trước đó. Mặc dù không có khả năng xin việc, T vẫn nói với anh P1 muốn được đi làm thì phải đưa cho T 100.000.000 đồng để lo chi phí, anh P1 liền về nói lại cho anh N biết. Tin tưởng T có thể xin được việc làm cho mình, anh N đồng ý giao cho anh P1 bộ hồ sơ xin việc kèm theo 40.000.000 đồng, anh P1 đưa lại đầy đủ cho T. Đến tháng 09/2014 T lấy lý do công việc có trục trặc cần thêm tiền nên điện thoại trực tiếp cho anh N yêu cầu đưa thêm tiền, anh N giao thêm cho T 2 lần là 35.000.000 đồng. Tổng cộng anh P1 và anh N đưa cho T là 75.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này T sử dụng tiêu xài cá nhân mà không hề xin việc làm như đã hứa, còn bộ hồ sơ xin việc vứt bỏ không thu hồi được. Đến ngày 25/10/2015 T đối phó bằng việc viết giấy xác nhận đã nhận của anh N 75.000.000 đồng và hẹn ngày 02/03/2016 anh N sẽ có quyết định đi làm, nếu không sẽ trả lại đầy đủ nhưng vẫn không thực hiện cam kết.

Sau 2 năm chờ đợi không có kết quả, qua tìm hiểu biết mình bị lừa đảo, ngày 25/6/2016 anh Đào Viết N làm đơn trình báo công an tỉnh Thừa Thiên Huế và yêu cầu T phải bồi thường 75.000.000 đồng.

Cơ quan công an đã thu giữ tờ giấy biên nhận số tiền 75.000.000 đồng do anh N giao nộp. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ ký và chữ viết. Ngày 06/01/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ viết và chữ ký là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của anh Đào Viết N 75.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 8: Anh Lê Thanh P1 (sinh năm 1978, trú tại: Đường P, thành phố H) có quen biết ông Đoàn T (sinh năm 1963, trú tại: Đường T, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế). Khoảng tháng 7/2014, nghe anh P nói Phạm Thị Thùy T quen biết nhiều người có thể lực có thể xin được việc làm cho cháu Đoàn Thị Mỹ N, là con của mình vào dạy tại trường tiểu học T, thị xã H, ông T liền nhờ anh P1 thông qua

T đề xin việc giúp. Anh P1 về gặp T đặt vấn đề thì T đồng ý với giá 100.000.000 đồng để lo chi phí. Anh P1 về thông báo lại cho ông T biết số tiền T yêu cầu là 120.000.000 đồng (nhiều hơn T yêu cầu 20.000.000 đồng), ông T tin tưởng T có thể xin việc được cho con mình đã đồng ý. Ông T giao cho anh P1 60.000.000 đồng (có viết giấy nhận tiền) kèm theo một bộ hồ sơ xin việc. Anh P1 chỉ đưa lại cho T bộ hồ sơ và 40.000.000 đồng có viết giấy biên nhận. Vào tháng 4/2015 và tháng 8/2015 lấy có cháu Đoàn Thị Mỹ N sắp có quyết định đi làm, T đã trực tiếp về nhà gặp cháu N lấy tiếp 02 lần 60.000.000 đồng (không viết giấy biên nhận). Tổng số tiền chiếm đoạt 100.000.000 đồng T sử dụng tiêu xài cá nhân mà không hề xin việc làm cho cháu N, bộ hồ sơ vứt bỏ không thu giữ được.

Chờ đợi mãi không thấy được đi làm, ông T nhiều lần tìm T và anh P1 đòi lại tiền, T đã thuê một người xe ôm (không rõ họ tên, địa chỉ) về trả cho ông T 20.000.000 đồng, còn lại 80.000.000 đồng T không trả. Anh P1 cũng đồng ý trả lại cho ông T 20.000.000 đồng đang cất giữ. Ông T không có ý kiến gì đối với anh P1, chỉ yêu cầu T bồi thường đầy đủ.

Cơ quan công an thu giữ một tờ giấy biên nhận số tiền 40.000.000 đồng đề ngày 24/7/2015 do cháu N giao nộp. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ viết và chữ ký. Ngày 24/11/2016, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của ông Đoàn T 100.000.000 đồng, đã khắc phục hậu quả 20.000.000 đồng, còn chưa bồi thường 80.000.000 đồng.

Vụ 9: Khoảng đầu tháng 10/2014, Phan Thị Thùy T nói với bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1971, trú tại: Tổ B, Khu vực H, phường H, thành phố H), là mình quen biết với nhiều người có chức vụ, quyền hạn có thể xin việc cho con gái bà T (là cháu Bùi Thị Thủy T) vào làm việc tại Bệnh viện H với giá 200.000.000 đồng để lo chi phí, tin tưởng T nói thật bà T đồng ý. Ngày 12/10/2014 bà T trực tiếp đưa cho T 200.000.000 đồng kèm theo bộ hồ sơ xin việc, T viết giấy biên nhận đủ số tiền này từ cháu Bùi Thị Thủy T, con gái của bà T giao cho tại quán cà phê Thủy Trúc trên đường Lương Ngọc Quyến. Khoảng 10 ngày sau, T liên lạc với bà T nói rằng mình có thể xin thêm một suất cho con gái thứ 2 của bà T (cháu Bùi Thị Mỹ T) vào Bệnh viện H với giá là 150.000.000 đồng, tin tưởng T thực tình giúp mình với mong muốn hai con có thể đi làm được nên bà T đồng ý. Ngày 31/10/2014 bà T trực tiếp đưa cho T 150.000.000 đồng kèm theo bộ hồ sơ xin việc (T có viết giấy nhận tiền để làm tin). Khoảng giữa tháng 12/2014 lấy lý do cần thêm tiền để lo chi phí, T yêu cầu bà T phải đưa thêm 70.000.000 đồng, T viết giấy nhận đủ tiền. Như vậy, bà T 03 lần đưa cho T với tổng số tiền là 420.000.000 đồng, T hẹn đến ngày 20/01/2015 sẽ có quyết định đi làm nhưng không hề xin việc cho 2 con bà T, còn 2 bộ hồ sơ T vứt bỏ không thu giữ được.

Bà T chờ mãi vẫn chưa thấy 2 con có quyết định đi làm liền tìm T đòi lại tiền, T viết giấy xin trả góp nhiều lần được 150.000.000 đồng, còn lại 270.000.000 đồng T không trả. Qua tìm hiểu biết mình bị lừa đảo, ngày 23/06/2016, bà Nguyễn

Thị T làm đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế yêu cầu xử lý hình sự đối với T và buộc phải bồi thường đầy đủ, hiện nay T chưa bồi thường.

Cơ quan công an thu giữ 2 tờ giấy biên nhận T viết khi nhận tiền và cam kết trả nợ cho bà T. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ ký và chữ viết. Ngày 25/01/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T 420.000.000 đồng, đã khắc phục hậu quả 150.000.000 đồng, còn phải bồi thường 270.000.000 đồng.

Vụ 10: Khoảng tháng 12/2014 bà Trần Thị P (sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú tại: Đường B, phường X, thành phố H) đưa con đi chơi ở công viên thành phố Huế tình cờ gặp Phan Thị Thùy T. Qua trò chuyện, biết bà P có nhu cầu xin việc làm cho mình, đồng thời xin chuyển công tác cho chồng là anh Nguyễn Văn H là giáo viên đang dạy học ở trường Trung học phổ thông H, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế, về công tác tại thành phố H để gần nhà. T liền nói mình quen biết nhiều người bên ngành giáo dục, y tế có thể xin chuyển trường cho anh H về thành phố H với giá là 70.000.000 đồng, xin cho bà P làm kế toán Bệnh viện H với giá 80.000.000 đồng. Tin tưởng T nói thật để giúp mình, bà P, anh H đồng ý. Từ ngày 12/2/2015 đến ngày 05/5/2015, bà P, anh H đưa cho T khoảng 04 lần số tiền 60.000.000 đồng kèm theo 1 bộ hồ sơ xin việc, T có viết giấy nhận tiền và hứa hẹn tháng 9/2015 anh H sẽ được chuyển trường. Nhưng T lấy toàn bộ số tiền này sử dụng tiêu xài cá nhân hết mà không hề xin việc cho bà P và chuyển công tác cho anh H như cam kết, bộ hồ sơ vứt bỏ không thu hồi được.

Hai vợ chồng bà P chờ mãi không có kết quả liền tìm T đòi lại tiền, T hứa đến ngày 10/3/2016 sẽ trả lại tiền xong không trả. Biết mình bị lừa đảo, ngày 16/9/2016 bà P làm đơn trình báo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế tố cáo T, yêu cầu bồi thường đủ 60.000.000 đồng.

Cơ quan công an đã thu giữ 04 tờ giấy biên nhận T viết khi nhận tiền và hứa hẹn thời gian đi làm việc. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ ký và chữ viết. Ngày 13/01/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T đã chiếm đoạt của vợ chồng bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn H là 60.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 11: Qua giới thiệu của anh Nguyễn Công K (sinh năm 1987, trú tại: Đường T, thành phố H) là bạn với cháu Mai Thị Bích T (sinh năm 1989, con gái bà Lê Thị B (sinh năm 1964, trú tại: Thôn Q, xã S, huyện A, Thừa Thiên Huế), nên bà B gặp làm quen với Phan Thị Thùy T rồi nhờ T xin việc cho con gái mình là cháu Mai Thị Lan H, sinh năm 1981, vừa tốt nghiệp trường Cao đẳng sư phạm H, khoa Lịch sử. Mặc dù không có khả năng xin việc nhưng T nói với bà B mình quen với nhiều người trong ngành giáo dục, có thể xin được cho cháu H đi dạy ở một trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với giá 160.000.000 đồng. Tin tưởng T nói thật, Bà B đồng ý với điều kiện T xin cho cháu H vào dạy ở trường Trung học cơ sở T,

huyện A. Ngày 11/4/2015 bà B, cháu T, anh K và anh Lê Thanh P2, sinh năm 1989, trú tại: Đường Đ, phường H, thành phố Huế) gặp T tại quán cà phê Hoàng Trúc trên đường Đoàn Thị Điểm, tại đây bà B trực tiếp đưa cho T 80.000.000 kèm theo một bộ hồ sơ xin việc, T viết giấy nhận tiền và hứa hẹn tháng 7 đến tháng 8/2015 cháu Hương sẽ được đi dạy tại trường Trung học cơ sở T, huyện A. Vào các ngày 14/4/2015 và 17/4/2015 bà B 2 lần chuyển tiền qua ngân hàng cho T thêm 80.000.000 đồng, như vậy, tổng cộng T nhận 3 lần số tiền là 160.000.000 đồng. Sau đó, T cho anh K 5.000.000 đồng, anh P2 5.000.000 đồng, còn lại sử dụng tiêu xài cá nhân. Vào các ngày 14/4/2015, 22/6/2015 và 23/11/2015 T viết 3 tờ giấy cam đoan đã nhận của bà B 160.000.000 đồng và 3 lần hứa hẹn con bà B sẽ được đi làm vào tháng 7/2015, ngày 10/8/2015 và 05/12/2015. Sau một thời gian, bà B thấy con mình không có kết quả gì nên bà B bắt T trả lại tiền. T chỉ trả nhiều lần 26.000.000 đồng, còn bộ hồ sơ vứt bỏ không thu giữ được.

Vào các ngày 03/9/2016, 30/9/2016 bà Lê Thị B và cháu Mai Thị Bích T làm đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu T phải bồi thường đủ 134.000.000.đồng, hiện nay T chưa bồi thường. Các anh Nguyễn Công K, Lê Thanh P2 chưa nộp lại mỗi người 5.000.000 đồng để bồi thường cho người bị hại.

Cơ quan công an đã thu giữ của bà B 04 tờ giấy T viết khi nhận tiền và cam kết, 02 phiếu chuyển tiền. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ ký và chữ viết. Ngày 02/12/2016, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ viết và chữ ký trên 4 tờ giấy là do T viết và ký ra.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Lê Thị B số tiền là 160.000.000 đồng, đã khắc phục hậu quả 26.000.000 đồng, còn phải bồi thường 134.000.000 đồng.

Vụ 12: Khoảng tháng 3/2015, bà Huỳnh Thị Ánh L (sinh năm 1989, trú tại: Tổ A, thôn B, xã Hc, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế) quen Phan Thị Thùy T thông qua sự giới thiệu của anh Nguyễn Công K (sinh năm 1987, trú tại: Đường T, phường H, thành phố H). Biết bà L có nhu cầu đi dạy học môn văn, T nói mình quen biết nhiều người trong ngành giáo dục có thể xin được cho bà L dạy học tại một trường trên địa bàn huyện N với giá 170.000.000 đồng để lo chi phí. Tin tưởng T giúp mình thật lòng bà L đồng ý rồi gửi bộ hồ sơ xin việc cho T trước qua anh K. Ngày 19/4/2015 bà L, anh K gặp T tại quán cà phê Hoàng Trúc trên đường Đoàn Thị Điểm, bà L trực tiếp đưa cho T 80.000.000 đồng, T viết giấy nhận tiền đầy đủ. Vào các ngày 04/5/2015, 22/7/2015 và 31/8/2015 bà L đưa tiếp cho T thêm 3 lần 90.000.000 đồng là đủ 170.000.000 đồng như cam kết và gửi thêm 01 bộ hồ sơ xin việc (mới làm lại lần 2). T viết giấy nhận đủ tiền, hồ sơ và hứa hẹn hết tháng 8/2015 bà L sẽ đi làm. Khoảng tháng 3/2016 T tiếp tục giả vờ nói với bà L là đã có quyết định đi làm, phải thưởng cho T thêm 35.000.000 đồng. Quá vui mừng bà L đồng ý giao ngay cho T 35.000.000 đồng. Ngày 09/5/2016 T viết giấy xác nhận đủ số tiền 205.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này T sử dụng tiêu xài cá nhân hết mà không hề xin việc làm cho bà L. T khai có cho anh Lê Thanh P2, sinh năm 1989, trú tại: Đường Đ, thành phố H) 10.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh và nhân chứng nên chưa đủ căn cứ, 02 bộ hồ sơ xin việc T vứt bỏ không thu giữ được.

Ngày 09/8/2016, bà Huỳnh Thị Ánh L làm đơn tố cáo T gửi đến công an tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu bồi thường đủ 205.000.000 đồng.

Cơ quan công an thu giữ 02 tờ giấy nhận tiền đề ngày 19/4/2015 và 09/5/2016 do bà L nộp. Ngày 06/10/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ ký và chữ viết. Ngày 07/10/2016, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Huỳnh Thị Ánh L 205.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 13: Khoảng tháng 4/2015 anh Nguyễn Công K, giáo viên trường Trung học phổ thông H (xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế) được bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1963, trú tại: Cụm M, Khu vực B, thị trấn K, huyện N) nhờ xin việc cho con gái mình là bà Đoàn Thị Thúy H vào dạy học tại trường Trung học phổ thông H, huyện N. Do có quen biết với Phạm Thị Thùy T (thông qua bạn mình là anh Lê Thanh P2) nên anh K điện hỏi T. Mặc dù không có khả năng xin việc cho con bà H, nhưng với mục đích chiếm đoạt tài sản nên T giả vờ đồng ý rồi đòi số tiền 150.000.000 đồng. Anh K nghe T nói có quen biết nhiều người có chức vụ, quyền hạn trong ngành giáo dục nên tin tưởng T có thể xin việc được liền về nói lại với bà H giá chi phí xin việc cho cháu H là 160.000.000 đồng (nhiều hơn trang nói 10.000.000 đồng). Bà H Tin tưởng anh K nên từ ngày 07/4/2015 đến 25/4/2015 đã dùng tài khoản của mình 03 lần chuyển tiền vào tài khoản anh K tại ngân hàng phát triển nông thôn huyện N (số tài khoản 4007205019602) 160.000.000 đồng, còn cháu H đưa một bộ hồ sơ xin việc. Anh K rút tiền ra đưa cho T 03 lần 150.000.000 đồng cùng bộ hồ sơ xin việc, còn mình giữ lại 10.000.000 đồng, T viết giấy nhận tiền 01 lần 75.000.000 đồng vào ngày 8/4/2015, 02 lần không viết giấy nhận tiền. Sau đó, T cho anh Lê Thanh P2 7.000.000 đồng, ngoài ra T còn khai cho đối tượng tên Đ (là người quen của T 8.000.000 đồng, hiện đã xác minh nhưng không rõ họ tên thật và địa chỉ nên chưa có căn cứ xác định), số tiền còn lại, T sử dụng tiêu xài cá nhân hết, bộ hồ sơ xin việc T vứt bỏ chưa thu giữ được.

Bà H chờ một thời gian thấy anh K và T không xin được cho cháu H đi dạy học liền đòi lại tiền. Ngày 05/9/2016 anh K tự nguyện trả lại cho bà H 50.000.000 đồng (trong đó có 10.000.000 đồng giữ của bà H trước đó và 40.000.000 đồng đưa thêm). Ngày 15/9/2016 bà H làm đơn gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế yêu cầu phải bồi thường đầy đủ. Anh Phương cũng chưa nộp lại 7.000.000 đồng để trả lại cho bị hại.

Cơ quan công an đã thu giữ tờ giấy T nhận 75.000.000 đồng của anh K, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H 150.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 14: Khoảng tháng 7/ 2015, Phạm Thị Thùy T đặt vấn đề xin cho bà Hoàng Cao Mi N (sinh năm 1991, trú tại: Đường H, thị trấn A, tỉnh Thừa Thiên

Huế) làm kế toán một trường trên địa bàn huyện A với giá 120.000.000 đồng. Bà N nghe T nói mình quen biết với nhiều người có thể lực trong ngành giáo dục thì tin tưởng nên đồng ý. Từ tháng 7/2015 đến ngày 09/9/ 2015 bà N và chồng là anh Hồ Thanh D trực tiếp 03 lần đưa tiền cho T số tiền 120.000.000 đồng, T viết giấy nhận tiền. Sau đó, T sử dụng tiêu xài cá nhân hết, bộ hồ sơ vứt bỏ cơ quan điều tra không thu giữ được.

Qua tìm hiểu biết mình bị lừa đảo, bà N làm đơn tố cáo T gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế yêu cầu xử lý theo pháp luật và buộc phải bồi thường đầy đủ. Trong quá trình điều tra, T viết giấy tác động bố đẻ mình là ông Phan Q (sinh năm 1949, trú tại đường L, thành phố H) đã bồi thường cho bà N 40.000.000 đồng, còn lại 80.000.000 đồng chưa bồi thường. Ông Q không yêu cầu T phải trả lại tiền cho mình.

Cơ quan công an thu giữ tại bà N một tờ giấy biên nhận T viết khi nhận 120.000.000 đồng vào ngày 09/9/2015, hẹn 5 ngày sau bà N sẽ đi làm. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ ký và chữ viết. Ngày 16/02/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Hoàng Cao Mi N 120.000.000 đồng, đã khắc phục hậu quả 40.000.000 đồng, còn phải bồi thường 80.000.000 đồng.

Vụ 15: Khoảng tháng 7/2015 ông Trần Văn T (sinh năm 1958, trú tại tổ dân phố H, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế) thông qua giới thiệu của bà Lê Thị Hằng N (sinh năm 1989, ở tổ dân phố H, thị trấn A) đã tìm gặp Phan Thị Thùy T nhờ xin việc cho con trai mình là Trần Hoàng M dạy hợp đồng môn thể dục tại một trường Trung học phổ thông cơ sở trên địa bàn thành phố H. T giả vờ nói mình quen biết với nhiều người có thể xin được với giá 150.000.000 đồng để lo chi phí, tin tưởng T nói thật, ông T đồng ý. Từ ngày 22/7/2015 đến ngày 29/7/2015 ông T và anh M 4 lần đưa tiền trực tiếp cho T 140.000.000 đồng, kèm theo một bộ hồ sơ xin việc (trong đó, lần đầu tiên tại quán cà phê Hoàng Trúc trên đường Đoàn Thị Điểm có thêm bà N làm chứng, T viết giấy nhận tiền đứng tên bà N giao 3 lần còn lại T viết giấy nhận tiền của anh M giao hộ). T sử dụng tiêu xài cá nhân hết, còn bộ hồ sơ vứt bỏ không thu hồi được.

Chờ đợi mãi không thấy con mình có quyết định đi làm, đòi lại tiền thì T không trả, biết bị lừa đảo ông T làm đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế vào các ngày 20/9/2016 và 18/10/2016, yêu cầu phải bồi thường đầy đủ.

Cơ quan công an đã thu giữ 3 tờ giấy T viết khi nhận tiền do ông T giao nộp. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ ký và chữ viết. Ngày 12/01/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết đều là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của ông Trần Văn T 140.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 16: Khoảng tháng 5/2015, ông Ngô Phi H (sinh năm 1955, trú tại: Đường H, phường P, thành phố H) gặp Phan Thị Thùy T nhờ xin việc cho con gái mình là Ngô Thị Bích T. T giả vờ nói mình quen biết nhiều người trong ngành giáo dục có thể xin cho cháu T làm giáo viên mầm non trên địa bàn thành phố H với giá 70.000.000 đồng. Tin tưởng T nói thật, từ ngày 23/10/2015 đến ngày 12/12/2015 ông H trực tiếp đưa cho T 6 lần với số tiền 70.000.000 đồng kèm theo một bộ hồ sơ xin việc. T viết giấy nhận rồi tiêu xài cá nhân hết, còn bộ hồ sơ vứt bỏ cơ quan điều tra không thu giữ được.

Chờ đợi một thời gian không thấy con gái có quyết định đi làm, ông H tìm T đòi lại tiền thì T chỉ trả lại 10.000.000 đồng. Biết bị lừa đảo, ngày 25/6/2016 ông Ngô Phi H làm đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu phải bồi thường đầy đủ.

Cơ quan công an thu giữ tờ giấy T viết 6 lần nhận số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký. Ngày 16/02/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của ông Ngô Phi H là 70.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường 60.000.000 đồng.

Vụ 17: Khoảng tháng 10/ 2015 bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1961, trú tại đường T, phường H, thành phố H) tìm gặp Phan Thị Thùy T nhờ xin việc cho con gái mình là cháu Nguyễn Thị Cẩm N đi dạy tại một trường phổ thông Trung học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. T giả vờ nói mình quen biết nhiều người có chức vụ trong ngành giáo dục có thể xin việc được với giá 180.000.000 đồng, tin tưởng T nói thật, bà D đồng ý nên vào các ngày 12/01/2016 và 15/01/2016, bà D trực tiếp đưa cho T 2 lần 120.000.000 đồng, kèm theo một bộ hồ sơ xin việc. T sử dụng tiêu xài cá nhân hết, bộ hồ sơ vứt bỏ không thu giữ được.

Đến ngày 10/3/2016 T tiếp tục bịa đặt vấn đề xin cho con thứ hai của bà D cháu Hoàng Nguyễn Minh N đi dạy tại một trường cấp 1 trên địa bàn thành phố H với giá 90.000.000 đồng để chiếm đoạt thêm tiền của bà D. Do tin vào lời nói gian dối của T, bà D cũng đồng ý. Trong hai ngày 10/3/2016 và 13/3/2016 bà D 2 lần giao cho T 90.000.000 đồng, kèm theo một bộ hồ sơ xin việc. T sử dụng tiêu xài cá nhân hết, bộ hồ sơ thứ hai cũng vứt bỏ không thu giữ được. Như vậy, T chiếm đoạt của bà D tổng cộng 270.000.000 đồng.

Chờ đợi một thời gian thấy T không xin được việc cho hai con mình, bà D tìm đòi lại tiền. Trong tháng 4/2016 T có trả lại cho bà D 20.000.000 đồng. Biết bị lừa đảo, Ngày 08/11/2016 bà D làm đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu T phải bồi thường đầy đủ, T chưa bồi thường.

Cơ quan công an đã thu giữ 5 tờ giấy nhận tiền các loại do bà D giao nộp. Ngày 06/02/2017, cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết. Ngày 09/02/2017 phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận chữ viết và chữ ký là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị D 270.000.000 đồng, đã khắc phục hậu quả 20.000.000 đồng, còn phải bồi thường 250.000.000 đồng.

Vụ 18: Khoảng tháng 10/2015 ông Đặng A (sinh năm 1966, trú tại: xã D, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) thông qua người quen (là bà Lê Thị H, sinh năm 1960, trú tại: Đường P, phường H, thành phố H), đã tìm gặp Phan Thị Thùy T nhờ xin việc cho con gái là cháu Đặng Thị Thùy N làm giáo viên mầm non. T giả vờ nói mình có một suất dạy mầm non trên địa bàn huyện P, nếu ông A xin cho con thì phải đưa cho T 60.000.000 đồng, tin tưởng T nói thật, ông A đồng ý. Từ tháng 10/2015 đến ngày 10/3/2016, ông A đưa cho T 03 lần số tiền 60.000.000 đồng, kèm theo một bộ hồ sơ xin việc (lần 1 ông A giao trực tiếp tại nhà bà Hoa, 02 lần sau nhờ bà H giao lại cho T). T viết giấy nhận đủ tiền rồi sử dụng tiêu xài cá nhân hết, bộ hồ sơ vứt bỏ cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ông A chờ đợi mãi không thấy con mình có quyết định đi làm, qua tìm hiểu biết bị lừa đảo, ngày 03/8/2016 ông A làm đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu T phải bồi thường đầy đủ 60.000.000 đồng cho mình.

Cơ quan công an thu giữ tờ giấy T viết khi nhận tiền do ông A giao nộp. Ngày 14/11/2016 cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký. Ngày 12/01/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của ông Đặng A 60.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 19: Khoảng tháng 11/2015, ông Lê Phương N (sinh năm 1982, trú tại: Thôn D, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) có nhu cầu xin việc làm cho em mình nên nhờ người quen là anh Nguyễn Thanh T (sinh năm 1972, trú tại: Khu tập thể X phường H, thành phố H) tìm giúp. Qua tìm hiểu thông tin anh T tìm gặp Phan Thị Thùy T đặt vấn đề nhờ xin việc giúp. T giả vờ nói dối có một suất làm điều dưỡng tại bệnh viện H với giá 80.000.000 đồng, tin tưởng lời T nói là sự thật, anh T về báo lại cho ông N biết giá cả chi phí là 80.000.000 đồng. Ông N đồng ý giao tiền cho anh T nhờ đưa cho T 50.000.000 đồng, kèm theo một bộ hồ sơ xin việc, T viết giấy nhận tiền đầy đủ rồi sử dụng tiêu xài cá nhân hết mà không hề xin việc cho em ông N, bộ hồ sơ vứt bỏ cơ quan điều tra không thu giữ được.

Qua tìm hiểu biết bị T lừa đảo nên ngày 11/11/2016 và 15/11/2016, ông Lê Phương N, Nguyễn Thanh T gửi đơn tố cáo đến công an tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu bồi thường đầy đủ 50.000.000 đồng.

Cơ quan công an thu giữ tờ giấy T viết khi nhận tiền đề ngày 31/12/2015 và 1 tờ giấy hứa trả lại tiền cho anh Tú không đề ngày, tháng, năm. Ngày 06/02/2017, cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký. Ngày 09/02/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của ông Lê Phương N số tiền 50.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 20: Phan Thị Thùy T có quen biết với bà Lê Thị Kim T (sinh năm 1980, trú tại: Tổ C, Khu vực N, phường A, thành phố H), với mục đích chiếm đoạt tiền của người khác, T liền giả vờ nói với bà T mình có thể xin được một suất làm điều dưỡng tại khoa nội thận bệnh viện H, nếu bà T có người quen hoặc người nhà thì T sẽ xin cho. Bà T tưởng thật nhờ T xin cho cháu Lê Thị Nhật A (sinh năm 1994, tạm trú tại: Đường T, phường A, thành phố H), vì trước đó bà T có gặp ông Lê Chiêu H (sinh năm 1957, trú tại tổ dân phố N, thị trấn A, tỉnh Thừa Thiên Huế, là bố đẻ cháu A) nhờ xin cho cháu A đi làm. T ra giá là 120.000.000 đồng để lo chi phí. Bà T về nói lại với ông H đã nhờ người xin được cho cháu A vào làm khoa nội thận bệnh viện H với giá 150.000.000 đồng (cao hơn giá của T đưa ra 30.000.000 đồng), Ông H đồng ý đưa và cho bà T 150.000.000 đồng kèm theo một bộ hồ sơ xin việc làm.

Ngày 16/3/2016 T hẹn gặp bà T tại quán cà phê Hoàng Trúc trên đường Đoàn Thị Điểm, bà T đưa cho T một bộ hồ sơ xin việc mang tên Lê Thị Nhật A. Đến chiều cùng ngày T hẹn gặp bà T tại cổng số 1 bệnh viện H trên đường L để lấy tiền. Bà T đưa trước cho T 75.000.000 đồng, T viết giấy nhận đủ số tiền này giao cho bà T để làm tin.

Ngày 28/3/2016 tại quán cà phê Lộng gió trong công viên trên đường Lê Lợi, bà T đưa thêm cho T 45.000.000 đồng, T viết giấy nhận đủ số tiền 120.000.000 đồng của bà T (thu hồi tờ giấy cũ nhận 75.000.000 đồng hủy bỏ) và hứa đến ngày 02/5/2016 sẽ có quyết định cho cháu A đi làm như thỏa thuận trước đó. Bà T còn giữ lại 30.000.000 đồng của ông H. Sau đó, lấy lý do công việc trực trặc phải chi thêm tiền, T trực tiếp điện thoại cho ông H yêu cầu đưa thêm tiền. Vào ngày 23/5/2016 và 30/5/2016 ông H đến ngân hàng AGRIBANK chuyển 2 lần, mỗi lần 15.000.000 đồng cho T là 30.000.000 đồng. T chiếm đoạt toàn bộ 150.000.000 đồng sử dụng tiêu xài cá nhân hết mà không hề xin việc làm cho cháu A, bộ hồ sơ xin việc T vứt bỏ không thu hồi được.

Chờ đợi mãi không thấy cháu A có quyết định đi làm, qua tìm hiểu biết bị lừa đảo nên ngày 27/7/2016 và 10/4/2017 bà Lê Thị Kim T, ông Lê Chiêu H viết đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế, đồng thời yêu cầu T phải bồi thường đầy đủ 150.000.000 đồng.

Cơ quan công an thu giữ tờ giấy T viết khi nhận 150.000.000 đồng do bà T giao nộp và 2 tờ phiếu chuyển 30.000.000 đồng cho T qua ngân hàng do ông H giao nộp. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký. Ngày 24/11/2016, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận chữ ký và chữ viết trên tờ giấy nhận tiền 150.000.000 đồng là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của ông Lê Chiêu H số tiền 150.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 21: Khoảng tháng 3/2016, Phan Thị Thùy T giả vờ nói với bà Nguyễn Thị H (là người quen, sinh năm 1962, trú tại: Khu tập thể X, phường H, thành phố

H), mình quen biết nhiều người có chức vụ trong ngành y tế, có thể xin cho cháu Nguyễn Phú Q, con trai bà H làm nhân viên hợp đồng kỹ thuật tại bệnh viện H với giá 30.000.000 đồng, tin tưởng T nói thật bà H đồng ý. Trong tháng 3/2016, bà H 2 lần đưa trực tiếp cho T số tiền 30.000.000 đồng, kèm theo bộ hồ sơ xin việc. T viết giấy nhận tiền, hẹn ngày 10/4/2016 cháu Q sẽ đi làm rồi chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết mà không hề xin việc cho con bà H, bộ hồ sơ vứt bỏ không thu giữ được.

Sau một thời gian chờ đợi thấy con mình không được đi làm, bà H tìm đòi lại tiền thì T không trả. Biết bị lừa đảo, ngày 20/9/2016 bà H làm đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu phải bồi thường đầy đủ cho mình, hiện nay T chưa bồi thường.

Cơ quan công an thu giữ 1 tờ giấy nhận tiền 30.000.000 đồng đề ngày 29/3/2016 do bà H giao nộp. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ viết và chữ ký. phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H 30.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 22: Khoảng tháng 3/2016 ông Phan Thanh T (sinh năm 1960, trú tại tổ M Khu vực B, phường H, thành phố H) gặp Phan Thị Trùy T nhờ xin việc cho con gái mình là cháu Phan Thị Ánh N làm tại khoa chấn thương chỉnh hình bệnh viện H. Mặc dù không có khả năng xin việc nhưng với mục đích chiếm đoạt tiền của ông T, T vẫn đưa ra thông tin giả để ông T tin tưởng mình quen biết với nhiều người có thể lực, có thể xin được việc cho cháu N với giá 60.000.000 đồng, ông T đồng ý. Cuối tháng 3/2016 đến ngày 06/4/2016 ông T trực tiếp đưa cho T 2 lần 40.000.000 đồng, kèm theo một bộ hồ sơ xin việc. T viết giấy nhận 40.000.000 đồng, kèm theo bộ hồ sơ, hứa đến ngày 01/7/2016 sẽ có quyết định đi làm rồi chiếm đoạt sử dụng tiêu xài cá nhân hết mà không hề xin việc cho con ông T, hồ sơ vứt bỏ không thu giữ được.

Chờ đợi lâu thấy con mình không được đi làm, ông T tìm T đòi lại tiền thì T không trả. Biết bị lừa đảo, ngày 10/10/2016 ông T làm đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu T phải bồi thường đầy đủ.

Cơ quan công an thu giữ 1 tờ giấy nhận số tiền 40.000.000 đồng do ông T nộp đề ngày 06/4/2016. Ngày 14/11/2016, cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ viết và chữ ký. Ngày 24/11/2016, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ viết và chữ ký là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của ông Phan Thanh T 40.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Vụ 23: Khoảng tháng 5/2016 ông Hồ Nam Đ (sinh năm 1960, trú tại: Đường Đ, phường T, thành phố H) nhờ Phan Thị Tỳ T xin việc cho cháu của mình là Tôn Thất Đăng C vào làm việc tại một cơ quan trên địa bàn thành phố H. Mặc dù không có khả năng xin việc, nhưng với mục đích chiếm đoạt tiền của ông Đ, T giả vờ nói mình quen biết nhiều người trong ngành y tế, có thể xin cho cháu ông Đ làm vi

tính tại bệnh viện H với giá 150.000.000 đồng, ông Đ phải đưa trước 50.000.000 đồng để lo chi phí. Tin tưởng T nói thật, ngày 06/5/2016 tại quán cà phê Hoàng Trúc trên đường Đoàn Thị Điểm, ông Đ đưa cho T 50.000.000 đồng, T viết giấy nhận tiền, cam kết tháng 6/2016 anh C sẽ đi làm rồi chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết, bộ hồ sơ rút bỏ không thu giữ được.

Quá thời hạn cam kết, thấy T không xin được việc, ông Đ đòi lại tiền thì T không trả. Biết bị lừa đảo, ngày 22/6/2016 ông Hồ Nam Đ viết đơn tố cáo gửi công an tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu phải bồi thường đầy đủ, T chưa bồi thường.

Cơ quan công an thu giữ tờ giấy T viết nhận tiền 50.000.000 đồng vào ngày 06/5/2016 do ông Đ giao nộp. Ngày 14/11/2016 cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký. Ngày 24/11/2016, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định kết luận chữ ký và chữ viết là của T.

Như vậy, vụ này T chiếm đoạt của ông Hồ Nam Đ 50.000.000 đồng, hiện nay chưa bồi thường.

Toàn bộ các giấy tờ cơ quan công an đã thu giữ được tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án để phục vụ công tác xét xử và thi hành án.

Quá trình điều tra, truy tố Phan Thị Thùy T thú nhận thành khẩn hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 15/QĐ/KSĐT ngày 26/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Phan Thị Thùy T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thị Thùy T từ 12 năm tù đến 13 năm tù và đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T.

XÉT THẤY:

Có đủ cơ sở để kết luận:

Mặc dù không có chức vụ, quyền hạn trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức và người lao động vào làm việc tại các cơ quan, tổ chức nhưng từ ngày 28/02/2014 đến ngày 06/5/2016, bị cáo Phan Thị Thùy T đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin giả tạo để cho mọi người lầm tưởng đưa tiền cho T đi xin việc làm rồi chiếm đoạt tiền của những người bị hại như sau:

Chiếm đoạt của bà Dương Trần Thủy T 70.000.000 đồng, bà Trần Thị Hồng M 100.000.000 đồng, bà Ngô Thị T 30.000.000 đồng, bà Trần Thị T 35.000.000

đồng, bà Nguyễn Thị Thúy A 60.000.000 đồng, bà Văn Thị M 75.000.000 đồng, ông Đào Việt N 75.000.000 đồng, ông Đoàn T 100.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T 420.000.000 đồng, bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn H 60.000.000 đồng, bà Lê Thị B 160.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị Ánh L 205.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H 150.000.000 đồng, bà Hoàng Cao Mi N 120.000.000 đồng, ông Trần Văn T 140.000.000 đồng, ông Ngô Phi H 70.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D 270.000.000 đồng, ông Đặng A 60.000.000 đồng, anh Lê Phương N 50.000.000 đồng, ông Lê Chiêu H 150.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H 30.000.000 đồng, ông Phan Thanh T 40.000.000 đồng và ông Hồ Nam Đ 50.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo Phan Thị Thùy T đã thực hiện 23 vụ lừa đảo, chiếm đoạt tổng số tiền là 2.520.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo như vừa nêu trên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạm vào điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Phan Thị Thùy T tại bản cáo trạng số 15/QĐ/KSĐT ngày 26/6/2017 là có căn cứ.

Đây là vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đặc biệt nghiêm trọng xảy ra trên nhiều địa bàn với tang số phạm tội rất lớn, đã gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm cho nhiều gia đình bị khánh kiệt, lâm vào cảnh khốn đốn, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn thành phố Huế.

Bị cáo Phan Thị Thùy T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, sẽ bị xử lý nghiêm khắc, thế nhưng do động cơ vụ lợi muốn kiếm tiền nhanh chóng, muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên đã bất chấp tất cả, quyết tâm thực hiện tội phạm. Lần phạm tội này bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng chung là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo là có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bồi thường một phần tài sản đã chiếm đoạt cho những người bị hại; bố mẹ bị cáo có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương và tại phiên tòa người bị hại là bà Văn Thị M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

**Về trách nhiệm dân sự:*

Sau khi phạm tội, bị cáo đã trả lại một phần tiền đã chiếm đoạt cho một số người bị hại như sau:

1. Trả cho bà Dương Trần Thủy T: 30.000.000 đồng,
2. Trả cho bà Trần Thị Hồng M: 45.000.000 đồng,

3. Trả cho bà Văn Thị M: 26.000.000 đồng,
4. Trả cho ông Đoàn T: 20.000.000 đồng,
5. Trả cho bà Nguyễn Thị T: 150.000.000 đồng
6. Trả cho bà Lê Thị B 24.000.000 đồng,
7. Trả cho bà Hoàng Cao Mi N 40.000.000 đồng.
8. Trả cho ông Ngô Phi H 10.000.000 đồng,
9. Trả cho bà Nguyễn Thị D 20.000.000 đồng,

Số tiền còn lại, xử buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho những người bị hại là:

1. Bà Dương Trần Thủy T: 40.000.000 đồng.
2. Bà Trần Thị Hồng M: 55.000.000 đồng.
3. Bà Ngô Thị T: 30.000.000 đồng,.
4. Bà Trần Thị T: 35.000.000 đồng,.
5. Bà Nguyễn Thị Thúy A: 60.000.000 đồng
6. Bà Văn Thị M: 49.000.000 đồng.
7. Ông Đào Viết N: 75.000.000 đồng,.
8. Ông Đoàn T: 80.000.000 đồng.
9. Bà Nguyễn Thị T: 270.000.000 đồng.
10. Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn H: 60.000.000 đồng,
11. Bà Lê Thị B 136.000.000 đồng.
12. Bà Huỳnh Thị Ánh L: 205.000.000 đồng.
13. Bà Nguyễn Thị H: 150.000.000 đồng.
14. Bà Hoàng Cao Mi N: 80.000.000 đồng.
15. Ông Trần Văn T: 140.000.000 đồng.
16. Ông Ngô Phi H: 60.000.000 đồng.
17. Bà Nguyễn Thị D: 250.000.000 đồng.
18. Ông Đặng A: 60.000.000 đồng,.
19. Ông Lê Phương N: 50.000.000 đồng,.
20. Ông Lê Chiêu H: 150.000.000 đồng.
21. Bà Nguyễn Thị H: 30.000.000 đồng.
22. Ông Phan Thanh T: 40.000.000 đồng.
23. Ông Hồ Nam Đ: 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thúy A yêu cầu bị cáo Phan Thị Thùy T phải bồi thường thêm số tiền lãi đối với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bà là 60.000.000 đồng, kể từ tháng 3 năm 2014 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi xuất là 09%/năm, nhưng bà A không cung cấp được chứng cứ để chứng minh số tiền lãi phát sinh từ số tiền mà bị cáo T đã chiếm đoạt, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Phương N đã tự nguyện cho bị cáo Phan Thị Thùy T số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền này. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông N, không buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền này cho ông Lê Phương N.

Trong vụ án này, bị cáo Phan Thị Thùy T có cho ông Nguyễn Công K 5.000.000 đồng, ông Lê Thanh P2 12.000.000 đồng (tiền khi thực hiện hành vi phạm tội). Tại phiên tòa, ông Nguyễn Công K và ông Lê Thanh P2) đã đồng ý nộp lại số tiền nêu trên. Vì vậy, cần buộc ông Nguyễn Công K nộp lại 5.000.000 đồng; ông Lê Thanh P2 nộp lại 12.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Bà Lê Thị Kim T có nhận từ ông Lê Chiêu H số tiền 150.000.000 đồng nhưng bà T chỉ đưa cho bị cáo T 120.000.000 đồng. Bà T còn giữ lại 30.000.000 đồng. Vì vậy, cần buộc bà Lê Thị Kim T trả lại cho ông Lê Chiêu H số tiền 30.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế có thu giữ một số vật chứng đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án. Đây là những tài liệu, chứng cứ quan trọng, làm cơ sở để giải quyết vụ án, cần cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phan Thị Thùy T phải chịu 200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phan Thị Thùy T phải bồi thường cho các người bị hại với tổng số tiền là 2.105.000.000 đồng. Do vậy bị cáo Tramg phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng + $(2\% \times 105.000.000 \text{ đồng}) = 74.100.000$ đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Thị Thùy T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị Thùy T 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 07/10/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015;

Xử buộc bị cáo Phan Thị Thùy T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại, cụ thể như sau:

1. Bồi thường cho bà Dương Trần Thủy T: 40.000.000 đồng.
2. Bồi thường cho bà Trần Thị Hồng M: 55.000.000 đồng.
3. Bồi thường cho bà Ngô Thị T: 30.000.000 đồng.
4. Bồi thường cho bà Trần Thị T: 35.000.000 đồng.
5. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thúy A: 60.000.000 đồng.
6. Bồi thường cho bà Văn Thị M: 49.000.000 đồng.
7. Bồi thường cho ông Đào Viết N: 75.000.000 đồng,.
8. Bồi thường cho ông Đoàn T: 80.000.000 đồng.
9. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T: 270.000.000 đồng.
10. Bồi thường cho bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn H: 60.000.000 đồng,
11. Bồi thường cho bà Lê Thị B 136.000.000 đồng.
12. Bồi thường cho bà Huỳnh Thị Ánh L: 205.000.000 đồng.
13. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị H: 150.000.000 đồng.
14. Bồi thường cho bà Hoàng Cao Mi N: 80.000.000 đồng.
15. Bồi thường cho ông Trần Văn T: 140.000.000 đồng.
16. Bồi thường cho ông Ngô Phi H: 60.000.000 đồng.
17. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị D: 250.000.000 đồng.
18. Bồi thường cho ông Đặng A: 60.000.000 đồng.
19. Bồi thường cho ông Lê Chiêu H: 150.000.000 đồng.
20. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị H: 30.000.000 đồng.
21. Bồi thường cho ông Phan Thanh T: 40.000.000 đồng.
22. Bồi thường cho ông Hồ Nam Đ: 50.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Công K nộp lại 5.000.000 đồng; ông Lê Thanh P2 nộp lại 12.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc bà Lê Thị Kim T trả lại cho ông Lê Chiêu H số tiền 30.000.000 đồng.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Buộc bị cáo Phan Thị Thùy T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 74.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27- CA tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Các người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: Tòa HS, Vp, Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đào Thị Mai Hương